

QUỐC DÂN ĐẠI HỘI TÂN TRÀO - TIỀN THÂN CỦA QUỐC HỘI VIỆT NAM

BÙI NGỌC THANH *

Quốc dân Đại hội Tân Trào là một tiền quốc hội hay một quốc hội lâm thời, bởi nó đã đặt nền móng cơ bản cho việc tổ chức và hoạt động của Quốc hội từ khóa I đến nay.

Đôi nét về những sự kiện trước khi diễn ra Quốc dân Đại hội Tân Trào

Nói đến Quốc dân Đại hội Tân Trào thì trong muôn vàn sự kiện lịch sử quan trọng, không thể không nói đến hai sự kiện có ý nghĩa cực kỳ lớn lao diễn ra trước đó.

Một là, Hội nghị Trung ương 8 khóa I của Đảng diễn ra vào tháng 5-1941 do lãnh tụ Hồ Chí Minh chủ trì. Hội nghị này đã đánh dấu một sự chuyển biến lớn, có tính chất cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng ta, đó là đưa vấn đề giải phóng dân tộc lên nhiệm vụ hàng đầu. Nghị quyết của Hội nghị chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc”⁽¹⁾. Theo Nghị quyết Hội nghị, phải lập ra mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi, mà tên gọi là Mặt trận Việt minh; phải chuẩn bị lực lượng vũ trang để tiến tới khởi nghĩa; khởi nghĩa từng phần,

tiến lên tổng khởi nghĩa. Nghị quyết Hội nghị còn xác định: “Sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần tân dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung của toàn thể dân tộc”⁽²⁾. Như vậy, từ sau Hội nghị Trung ương 8 của Đảng, nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng là đánh đuổi Pháp - Nhật, lập nên một nước Việt Nam mới, một nhà nước dân chủ kiểu mới.

Đến tháng 10-1944, Đảng ta khẳng định lại một lần nữa, đoàn kết dân tộc trong một tổ chức thống nhất và nhất tề hành động là yêu cầu cấp bách của cách mạng. Trong thư gửi đồng bào toàn quốc, Bác Hồ chỉ rõ: “Chúng ta trước phải có một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Mà cơ cấu ấy thì phải do một cuộc toàn quốc đại biểu đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh

* TS, nguyên Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

(1), (2) Văn kiện Đảng: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr. 113, 114

đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang”⁽³⁾.

Hai là, tư tưởng của lãnh tụ Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền đã được hình thành ngay từ những năm đầu trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Người. Ngày 18-6-1919, tại Pa-ri (Pháp), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi Tổng thống Mỹ và Trưởng đoàn các nước tham dự Hội nghị Véc-xây một giác thư kèm theo bản “Yêu sách của nhân dân An Nam”. Trong bản yêu sách đó, mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nói là “những yêu sách khiêm tốn”, cả thảy có 8 điểm thì có 2 điểm (2 và 7) nói về pháp luật: “2- Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về pháp luật* như người Âu châu; *xóa bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam*;... 7- *Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*”⁽⁴⁾.

Đến năm 1921, khi chuyển “Yêu sách của nhân dân An Nam” từ văn xuôi sang văn vần cho dễ nhớ, với tựa đề “Việt Nam yêu cầu ca”, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc viết:

“Hai xin phép luật sửa sang,
Người Tây người Việt hai phương cùng đồng.
Những tòa đặc biệt bắt công,
Giám xin bỏ dứt rộng dung dân lành...
Bảy xin hiến pháp ban hành,
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”⁽⁵⁾.

Chúng ta hoàn toàn có thể hiểu được, mặc dù ngày thắng lợi của cách mạng còn xa xôi, nhưng từ năm 1919, trong tư duy của Bác Hồ đã hình thành một luận điểm cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước khi cách mạng thành công, đó là việc điều hành hoạt động của một xã hội, của một đất nước phải bằng hiến pháp, pháp luật. “Thần linh pháp quyền” - ngôn ngữ những năm 20 của thế kỷ XX nhưng rất đúng với tinh thần “nhà nước pháp quyền” sau này. Tư tưởng về nhà

nước pháp quyền thường trực trong tâm trí Bác trong suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng. Bác hiểu thấu đáo trình tự, thủ tục của việc thành lập một nhà nước kiểu mới: Trước tiên, phải có cơ quan đại diện cho nhân dân, đó là quốc hội/nghị viện; từ đó mới thành lập được chính phủ, các cơ quan của chính phủ và các cơ quan tư pháp.

Hai sự kiện trên cho chúng ta thấy, ngay từ khi chuẩn bị lực lượng vũ trang để tiến tới khởi nghĩa, Đảng và Bác Hồ đã xác định đúng đắn việc xây dựng bộ máy nhà nước, xây dựng chính quyền nhân dân. Đó là, sau khi cách mạng thành công, nước ta phải là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; có Quốc dân Đại hội thì mới có cơ sở pháp lý để thành lập Chính phủ sau khi cách mạng thành công. Trong khi cách mạng còn ở giai đoạn chuẩn bị, việc sớm nhìn nhận ra vấn đề lớn lao của đất nước sau này, đó là trí tuệ tuyệt vời của Đảng, là sự sáng suốt, anh minh của Bác Hồ.

Quốc dân Đại hội Tân Trào - Tiền thân của Quốc hội Việt Nam

Đại biểu của Đại hội

“Ngày 16-8-1945, trong không khí hết sức khẩn trương, hào hùng, Quốc dân Đại hội đã khai mạc tại đình Tân Trào. Đại hội có hơn 60 đại biểu. Có đủ đại biểu khắp Bắc, Trung, Nam, đại biểu Việt kiều ở Thái Lan, Lào, đại biểu các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị. Các đại biểu đã phải vượt qua bao chặng đường vất vả gian nguy để đến được Tân Trào”⁽⁶⁾. Khi đất nước chưa có chính quyền, mọi công việc đều do Đảng chỉ đạo, điều hành. Về cơ cấu đại biểu của Đại hội, Đảng ta đã thực hiện đúng chủ trương “phải có một cái cơ cấu đại biểu cho sự chân

(3) Văn kiện Đảng: *Toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 352 - 353

(4), (5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 1, tr. 435, 439

(6) *Di tích lịch sử Tuyên Quang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2004, tr. 51

thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta”. Cơ cấu theo vùng miền, Nam Bộ có Ung Văn Khiêm..., Trung Bộ có Hoàng Hữu Nam, Phạm Ngọc Thạch...; cơ cấu theo đoàn thể, có Vũ Quang (Thanh niên cứu quốc), Thanh Thúy, Nguyễn Thị Như (Phụ nữ cứu quốc), Văn Tân (Công nhân cứu quốc)...; đại diện cho các dân tộc thiểu số có Chu Văn Tấn...; đại diện cho nông dân có Trần Đức Thịnh...; đại diện cho đảng phái chính trị thì Đảng Dân chủ có nhiều đại biểu, dẫn đầu là Dương Đức Hiền...; đại diện cho trí thức có Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi... Nói tóm lại, đại biểu vùng miền, trí thức, công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, các dân tộc thiểu số đều có cả. Trong điều kiện giao thông, liên lạc khó khăn, đi lại qua các vùng địch kiểm soát gắt gao, hết sức phức tạp và nguy hiểm mà cơ cấu thực tế của Đại hội đạt được như vậy là khá tiêu biểu và rất tốt đẹp.

Cách tiến hành và nội dung của Đại hội

Trong những ngày Đại hội, đình Tân Trào được trang hoàng đẹp hẳn lên, xung quanh đình được căng vải đỏ. Cờ đỏ sao vàng được treo ở chính giữa, Đại hội làm việc ở gian bên trái (nhìn từ trong đình ra). Gian giữa triển lãm sách, báo cách mạng, như báo *Việt Nam mới*, *Cờ giải phóng*,... và trưng bày một số loại vũ khí ta thu được của địch. Gian bên phải là nơi giải lao, trà nước cho đại biểu. Phía trong, bên trên được kê một chiếc bàn dài, đó là bàn Chủ tịch đoàn; phía dưới là các hàng ghế đại biểu được ghép bằng thân các cây tre mai thẳng. Dù điều kiện khó khăn và thời gian gấp gáp nhưng sự chuẩn bị vẫn chu đáo trong hoàn cảnh nông thôn rừng núi.

Chủ tịch đoàn gồm các đồng chí Hồ Chí Minh (dù còn rất mệt nhưng Người vẫn dành cho Đại hội những thời gian quý báu), Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng. Thư ký đoàn là các đồng chí Cù Huy Cận và Khuất Duy Tiến.

Đại hội đã lần lượt nghe các báo cáo: 1- Đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh báo cáo về tình hình thế giới và trong nước, trong đó nói rõ quân Đồng minh đang thắng lớn trên các mặt trận và ngày thất bại hoàn toàn của phát-xít Đức - Ý - Nhật đã đến. Nhật đầu hàng quân Đồng minh; thời cơ cả nước khởi nghĩa đã đến. Báo cáo nêu rõ yêu cầu cấp bách phải bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng để sau khi giành được chính quyền sẽ trở thành Chính phủ cách mạng lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... 2- Đồng chí Hoàng Quốc Việt báo cáo về phong trào công nhân. 3- Đồng chí Trần Đức Thịnh báo cáo về tình hình nông dân. 4- Đồng chí Nguyễn Đình Thi báo cáo về “Một nền văn hóa mới”. 5- Đồng chí Vũ Oanh báo cáo về phong trào cách mạng sôi nổi ở Hà Nội. 6- Đồng chí Hoàng Đạo Thúy báo cáo về phong trào hướng đạo.

Sau khi nghe hết các báo cáo, Đại hội đi vào thảo luận. Các đại biểu của cả ba miền Bắc, Trung, Nam đều lần lượt phát biểu, ý kiến rất sôi nổi. Tất cả đều nhất trí cao với chủ trương khởi nghĩa trong cả nước để giành chính quyền. Một vài ý kiến trao đi, đổi lại về thái độ của chúng ta khi quân Đồng minh tiến vào giải giáp quân đội phát-xít Nhật. Đồng chí Hồ Chí Minh phân tích kỹ để các đại biểu hiểu rõ: Ta phải trên tư thế là người làm chủ và đón tiếp quân Đồng minh với thái độ chủ nhân đất nước. Phải cảnh giác đề phòng thực dân Pháp có thể nấp sau quân Đồng minh xâm nhập vào nước ta với dã tâm đặt nhân dân ta dưới ách nô lệ một lần nữa. Nhưng chúng ta phải thật bình tĩnh để không mắc vào âm mưu khiêu khích của thực dân Pháp và bọn phản động.

Đại hội nhất trí cao và thông qua Nghị quyết giành chính quyền toàn quốc và thi hành 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt minh. Theo đề nghị của Tổng bộ Việt minh, Đại hội đã quyết định thành lập Ủy ban Dân

tộc giải phóng (coi như Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam), do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch; Phó Chủ tịch Ủy ban là đồng chí Trần Huy Liệu; các Ủy viên Ủy ban là các đồng chí: Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền, Chu Văn Tấn, Nguyễn Văn Xuân, Cù Huy Cận, Lê Văn Hiến, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Hữu Đang; Thường trực Ủy ban là các đồng chí: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng, Dương Đức Hiền. Ủy ban Dân tộc giải phóng thay mặt quốc dân giao thiệp với các nước trên thế giới và chủ trì xử lý mọi công việc trong nước. Sáng ngày 17-8-1945, Ủy ban Dân tộc giải phóng ra mắt Quốc dân Đại hội và làm Lễ tuyên thệ. Đại hội bế mạc trong không khí sôi sục Tổng khởi nghĩa (Lệnh khởi nghĩa đã được truyền đi từ ngày 13-8-1945). Các đại biểu phải khẩn trương trở về địa phương lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành chính quyền theo ba nguyên tắc: *tập trung, thống nhất và kịp thời*. Thời gian rất cấp bách, phải hành động cho kịp thời cơ.

Tâm vóc lịch sử của Quốc dân Đại hội Tân Trào đối với Quốc hội Việt Nam

Đại hội chỉ diễn ra trong hai ngày nhưng kết quả của nó (những quyết nghị của Đại hội) đã làm nền tảng cho khởi nghĩa ở các địa phương, cho Tổng khởi nghĩa thắng lợi và làm cơ sở cho việc xây dựng Nhà nước ngay sau khi cách mạng thành công.

Cơ sở pháp lý cho hành động của Ủy ban Dân tộc giải phóng

Như đã trình bày, Đảng ta và Bác Hồ đã tiên lượng rất sớm trình tự, bước đi của việc dựng xây một nhà nước kiểu mới. Vì cách mạng chưa đến ngày thắng lợi, chưa có chính quyền nên phải có một cuộc Quốc dân Đại hội làm căn cứ cho việc xây dựng chính quyền sắp tới. Quốc dân Đại hội Tân

Trào có vai trò như là một tiền quốc hội hay một quốc hội lâm thời. Với cơ cấu đại biểu đại diện cho khắp các vùng miền, đại diện cho các giới, các đoàn thể ái quốc, các tầng lớp nhân dân nên quyết sách của Đại hội là quyết sách của nhân dân. Nói cách khác, Quốc dân Đại hội Tân Trào đã tạo dựng cơ sở pháp lý cho sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cho sự hình thành một chính phủ lâm thời ngay sau khi cách mạng thành công. Có Quốc dân Đại hội thì mới có cơ sở cho việc ra đời một chính phủ, cũng như sau này, phải Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội, và có Quốc hội rồi, mới thành lập được nội các/chính phủ. Như chúng ta đã biết, Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám đã thành công vang dội. Ngày 25-8-1945, Chủ tịch Ủy ban Dân tộc giải phóng Hồ Chí Minh về Hà Nội. Theo đề nghị của Người, Ủy ban Dân tộc giải phóng do Quốc dân Đại hội Tân Trào bầu ra được cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Điều đáng lưu ý về Chính phủ lâm thời là, nhiều ủy viên Mặt trận Việt minh trong Chính phủ đã tự nguyện rút ra để mời thêm nhiều nhân sĩ ngoài Mặt trận Việt minh tham gia Chính phủ, như cụ Nguyễn Văn Tố, ông Nguyễn Mạnh Hà, Luật sư Vũ Trọng Khánh,...

Chương trình 10 điểm của Đại hội - một bản Hiến pháp tạm thời.

Quốc dân Đại hội đã quyết nghị Chương trình 10 điểm và giao cho Ủy ban Dân tộc giải phóng thi hành:

1- Giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập.

2- Võ trang nhân dân. Phát triển Quân giải phóng Việt Nam.

3- Tịch thu tài sản của giặc nước và của Việt gian, tùy từng trường hợp sung công làm của quốc gia hay chia cho dân nghèo.

4- Bỏ các thứ thuế do Pháp, Nhật đặt ra; đặt một thứ thuế công bằng và nhẹ.

5- Ban bỏ những quyền của dân, cho dân: nhân quyền; tài quyền (quyền sở hữu); dân quyền; quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do, dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền.

6- Chia lại ruộng đất cho công bằng, giảm địa tô, giảm lợi tức, hoãn nợ, cứu tế nạn dân.

7- Ban bỏ Luật Lao động: ngày làm 8 giờ, định lương tối thiểu, đặt xã hội bảo hiểm.

8- Xây dựng nền kinh tế quốc dân, phát triển nông nghiệp. Mở mang quốc gia ngân hàng.

9- Xây dựng nền quốc dân giáo dục, chống nạn mù chữ, phổ thông và cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ cấp, kiên thiết nền văn hóa mới.

10- Thân thiện và giao hảo với các nước Đồng minh và các nước nhược tiểu dân tộc để giành lấy sự đồng tình và sức ủng hộ của họ⁽⁷⁾.

Vào thời điểm lịch sử tháng 8-1945, chúng ta có thể coi Chương trình 10 điểm trên đây như một *Hiến pháp tạm thời*. Trừ một vài tiểu tiết nhằm đáp ứng yêu cầu và tình hình trước mắt, trong thời gian ngắn trước và sau Cách mạng Tháng Tám, phần lớn các điểm có sự tương ứng với các Hiến pháp trong suốt 70 năm qua, kể cả Hiến pháp năm 2013. So với Hiến pháp năm 2013 - Hiến pháp hiện đại nhất, chúng ta vẫn thấy có sự tương đồng, tương ứng:

- Điểm 1 tương ứng với Chương I - Chế độ chính trị (thể chế nhà nước).

- Điểm 2 tương ứng với Chương IV - Bảo vệ Tổ quốc (trong đó có nhân tố quan trọng là các lực lượng vũ trang nhân dân).

- Điểm 5 tương ứng với Chương II - Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (Cần nói thêm là, ngay từ khi ấy, vấn đề nhân quyền đã được đặt ra với tinh thần là một vấn đề cấp bách của thời cuộc).

- Các điểm 4, 6, 7, 8, 9 tương ứng với Chương III - Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường (Có thể thấy, ngay từ bây giờ, các vấn đề phổ cập giáo dục sơ cấp, bảo hiểm xã hội, đặt lương tối thiểu, cứu tế nạn dân, ban bỏ Luật Lao động - những trụ cột chính của an sinh xã hội, nam nữ bình quyền đã được đặt thành nhiệm vụ của cách mạng mà đến bây giờ vẫn còn phải tiếp tục thực hiện và còn tiếp tục thực hiện lâu dài).

- Điểm 10 tương ứng với đường lối đối ngoại ở Điều 12 (thuộc Chế độ chính trị) của Hiến pháp năm 2013.

Với “Hiến pháp tạm thời” này, Ủy ban Dân tộc giải phóng (Chính phủ lâm thời) có đầy đủ cơ sở pháp lý để hành động, điều hành công việc.

Về quy trình, thủ tục hoạt động của Đại hội

Như đã trình bày, có 6 báo cáo cơ bản được trình ra Đại hội, gồm báo cáo tổng thể, toàn diện của đồng chí Trường Chinh; ba báo cáo có tính chất lĩnh vực về công nhân, nông dân và văn hóa; hai báo cáo có tính chất chuyên đề về phong trào cách mạng ở một đô thị lớn (Hà Nội) và phong trào hướng đạo. Sau công đoạn trình các báo cáo là công đoạn thảo luận. Đọc các tài liệu lịch sử, chúng ta nhận thấy, trong công đoạn thảo luận, thực chất là hàm chứa ba tiểu công đoạn hay là ba loại hoạt động xen kẽ nhau (trao đổi ý kiến để làm rõ tình hình; hỏi - đáp để thông hiểu chủ trương mà hành động cho đúng; và chất vấn để làm rõ trách nhiệm). Sự đan xen này là hoàn toàn hợp lý, vì Đại hội chưa phải là một Quốc hội hoàn chỉnh để tổ chức bộ máy phù hợp với các hoạt động; và lại, do yêu cầu cấp bách (tính bằng ngày, thậm chí bằng giờ) của việc chuẩn bị gấp cho toàn

(7) *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946 - 1960)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 20 - 21

quốc nổi dậy Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền - vấn đề cơ bản của bất kỳ cuộc cách mạng xã hội nào.

Liên hệ với các kỳ họp Quốc hội của các khóa trước đây và hiện nay, có thể thấy, trình tự, thủ tục cũng tương tự như thế, chỉ có khác là, bây giờ Quốc hội có bộ máy hoàn chỉnh, có thời gian đầy đủ nên các hoạt động, các công đoạn của công việc được tách bạch rành mạch, rõ ràng hơn.

Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với Đại hội.

Thực ra, thành công rực rỡ của Đại hội có nguồn gốc sâu xa là sự đổi mới đúng đắn, kịp thời đường lối của Đảng. Như đã nói, tại Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5-1941), Đảng ta đã xác định nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc. Ngay sau đó, ngày 6-6-1941, trong “Kính cáo đồng bào”, Bác Hồ đã viết: “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi, lửa nóng”⁽⁸⁾. Chủ trương, đường lối đổi mới này nhằm khắc phục khuynh hướng đề cao quá mức, gần như tuyệt đối hóa lợi ích của giai cấp vô sản, chưa chú trọng đúng mức đến lợi ích chung của cả dân tộc trong một thời gian dài. Nhận ra điều đó, Đảng ta đã đánh giá lại đầy đủ hơn vai trò và lợi ích của các giai tầng trong xã hội, lợi ích chung của cả dân tộc. Do đó, Quốc dân Đại hội là kết quả của việc tập hợp, thống nhất lực lượng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Rõ ràng, Đảng ta đã lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối đúng đắn của mình để đi đến thắng lợi, đạt được mục tiêu của Đại hội.

Hơn nữa, toàn thể đảng viên dự Đại hội đã nắm rất chắc Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng (họp từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945). Hội nghị đã thảo luận nhiều vấn

đề quan trọng về nội dung của Quốc dân Đại hội ngày mai, trong đó có những vấn đề cực kỳ quan trọng, then chốt, như quyết định Tổng khởi nghĩa, thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng, thống nhất các lực lượng vũ trang trong cả nước thành Giải phóng quân Việt Nam, thi hành 10 chính sách của Mặt trận Việt minh... Tại Đại hội, các đảng viên đã hăng hái phát biểu, trong đó các chính kiến có tính thuyết phục được lan tỏa sang các đại biểu khác. Do đó, Đại hội đã nhanh chóng thống nhất và thống nhất cao các quyết nghị của Đại hội.

*

* *

Trên giác độ cơ quan lập pháp, Quốc dân Đại hội Tân Trào là một tiền quốc hội hay một quốc hội lâm thời, đã đặt nền móng cơ bản cho việc tổ chức và hoạt động của Quốc hội từ khóa I và được hoàn thiện dần cho đến nay. Trong đó, có những vấn đề như là những bài học rất quý báu:

- Cơ cấu, thành phần đại diện cho nhân dân mang tính đại đoàn kết dân tộc ở một trình độ cao.

- Sự chuẩn bị kỹ lưỡng, chi tiết về mọi mặt và sự lãnh đạo nhạy bén, sát sao của Đảng là nhân tố bảo đảm cho sự thắng lợi của Đại hội.

- Trong ngồn ngang công việc lúc bấy giờ, việc lựa chọn những nội dung công việc bức xúc, khẩn cấp nhất ở tầm quốc gia để trình Đại hội, được thể hiện trong các báo cáo, là rất sáng tạo và xác đáng.

- Chương trình nghị sự, quy trình, thủ tục, phương pháp điều hành, các hoạt động tại Đại hội có tính hợp lý, khoa học, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, bối cảnh cụ thể...

Tất cả các vấn đề đó đều là những kinh nghiệm quý báu cho các khóa Quốc hội sau này, hiện tại và mai sau. □

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 198